TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 97/2021/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 05 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST-VDS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện N, tỉnh B.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện N, tỉnh B. Nơi cư trú hiện nay: Ấp L, xã Q, huyện N, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, không giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, không giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) do anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp theo biên lai thu số 0000503 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b) ;
- VKSND huyện MCN(1b) ;
- Chi cục THADS H.MCN(1b) ;
- UBND xã An Định (1b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre(1b) ;
- Lưu HS, VP (3b). TC:9b .

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thu Trang